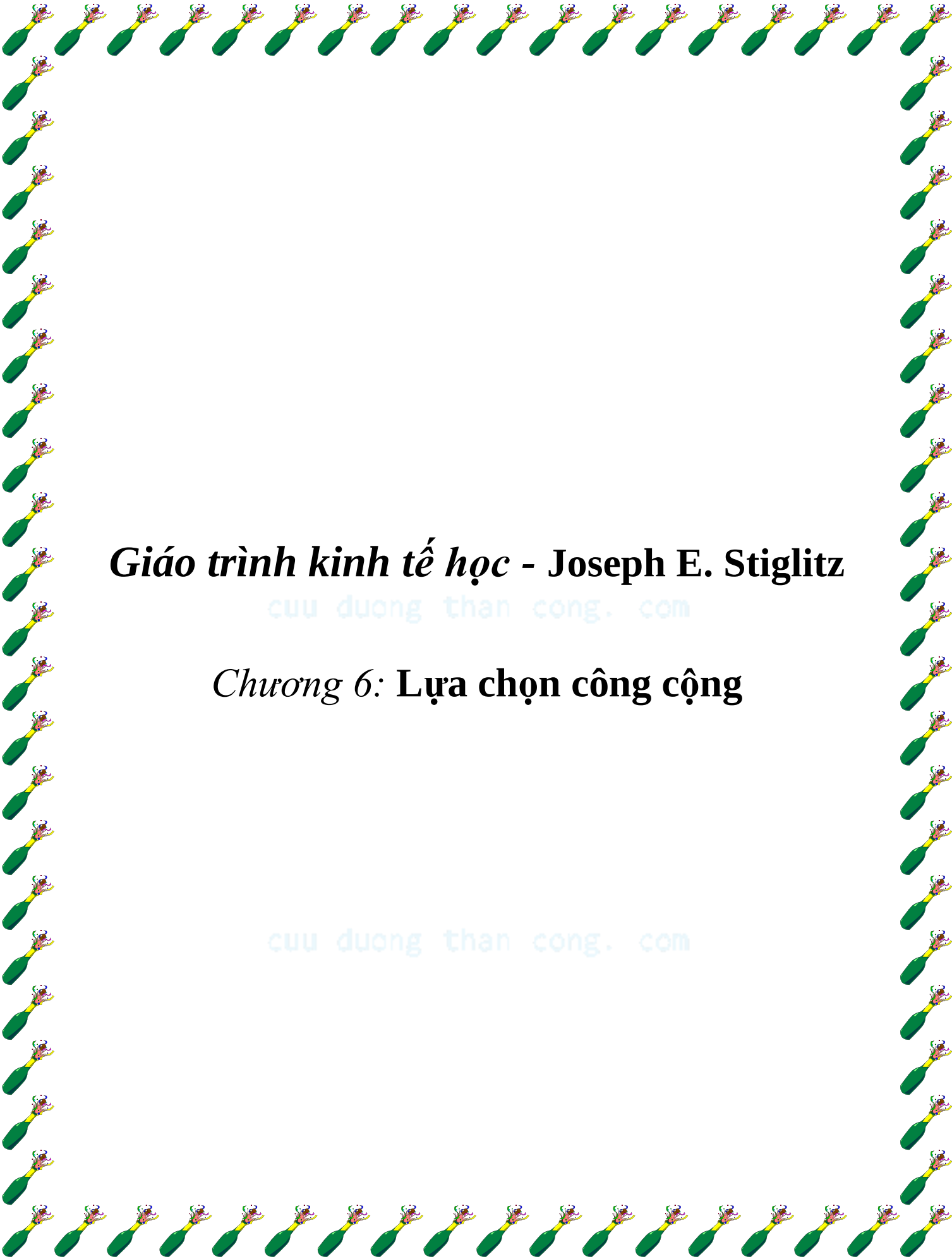




Giáo trình kinh tế học - Joseph E. Stiglitz

cuu duong than cong. com

Chương 6: Lựa chọn công cộng

cuu duong than cong. com

Cơ chế tư nhân để phân bổ nguồn lực

Nền kinh tế thị trường có một phương pháp đơn giản và hữu hiệu để xác định mức sản xuất HHTN: hệ thống giá cả. Hệ thống này khuyến khích các hàng sản xuất hàng hóa có giá trị và là cơ sở để phân bổ hàng hóa đã được sản xuất cho những người tiêu dùng.

Chúng ta thường nói về tầm quan trọng của giá cả trong việc truyền thông tin: từ người tiêu dùng đến người sản xuất về giá trị gắn cho hàng hóa khác nhau, và từ người sản xuất đến người tiêu dùng và từ người sản xuất này đến người sản xuất khác về chi phí sản xuất và sự khan hiếm của hàng hóa đó.

Cân bằng trên thị trường tư nhân được xác định tại điểm cắt nhau của đường cung và đường cầu. Vì lý do nào đó, khi cầu đối với một hàng hóa tăng lên, đường cầu sẽ dịch chuyển lên, giá tăng và làm cho các hãng sản xuất nhiều hơn. Do đó, thông tin về thay đổi thị hiếu cá nhân được truyền đi thông qua hệ thống giá cả đến với các hãng. Tương tự, vì lý do nào đó, khi việc sản xuất ra hàng hóa trở nên ít tốn kém, đường cung của hàng hóa đó thay đổi theo hướng dịch chuyển xuống dưới, giá sẽ giảm và các cá nhân sẽ dịch chuyển tiêu dùng hàng hóa lên, vì bây giờ chúng rẻ hơn. Một lần nữa, hệ thống giá chuyển thông tin về thay đổi công nghệ từ hãng đến người tiêu dùng. Thật vậy, một trong những kết quả của kinh tế học

phúc lợi hiện đại, như chúng tôi đã chỉ ra ở Chương 3, là trong nền kinh tế cạnh tranh, dẫn đến phân bổ các nguồn lực có hiệu quả.

Các cơ chế công cộng để phân bổ nguồn lực

Vấn đề khám phá sự ưa thích

Trong khi các cá nhân thể hiện quan điểm của họ về ý thích một HHTN nào đó so với hàng hóa khác bằng một hành động đơn giản: họ quyết định có mua hoặc không mua hàng hóa đó, thì lại không có cách hữu hiệu nào để cho thể hiện quan điểm của mình về một HHCC này so sánh với HHCC kia.

Những cuộc bầu cử nghị sĩ liên bang chỉ truyền một lượng thông tin hạn chế và thái độ của các cử tri đối với những HHCC cụ thể; giới lắm thì họ truyền một thông báo chung rằng các cử tri thích ít hay nhiều về chi tiêu chính phủ. Ở cấp bang và địa phương, đôi khi người ta còn yêu cầu cử tri phê chuẩn những phần tài sản cụ thể (thường là trái phiếu để tăng đầu tư vào đường cao tốc hay giao thông đại chúng). Nhưng ngay cả khi đó, thông tin cũng rất hạn chế; nếu một người bỏ phiếu cho cái vì lợi ích lớn nhất của mình, thì điều đó có thể đơn giản chỉ ra rằng, anh ta tin là cái lợi của anh ta do chương trình công cộng đem lại sẽ lớn hơn chi phí mà anh ta phải bỏ ra. Nếu một chương trình được đa số phiếu bầu, thì có thể là

điều đó cũng đúng ít ra đối với một nửa cử tri, nhưng không có nghĩa là tổng số lợi ích sẽ lớn hơn chi phí.

Các nhà kinh tế học cũng lo lắng là, trong những hoàn cảnh các cá nhân phải trả lời xem sự ưa thích của họ là gì, thì liệu họ có nói chân thực không. Có cách nào khác để các cá nhân nói thật ý thích của họ về HHCC không?

Người ra quyết định tư nhân biết rõ ý thích riêng của mình. Người ra quyết định công cộng phải biết chắc chắn ý thích của những người mà mình đang đại diện. Đây là điểm khác nhau quan trọng đầu tiên giữa phân bổ nguồn lực công cộng và tự nhiên.

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

Vấn đề tổng hợp ý nghĩa: Hòa giải những quan điểm khác nhau

Ngay cả khi tất cả các cá nhân nói đúng và trung thực ý thích của họ, thì chính khách vẫn phải có cách nào đó tập hợp thông tin lại để ra quyết định. Trong thị trường tư nhân, một hãng không phải cân đo yêu cầu và lợi ích của nhóm này so với nhóm kia. Nếu một cá nhân sẵn sàng trả giá cao hơn chi phí sản xuất cận biên, thì điều đó cho phép hãng bán hàng hóa đó. Các quyết định đã được giải quyết trên cơ sở cá nhân. Ngược lại, trong khu vực công cộng, các quyết định được thông qua tập thể. Khi nhà chính trị biểu quyết tăng chi tiêu vào HHCC nào đó, thì việc đó

không giống như ông ta tự trả tiền mua hàng. Lá phiếu của ông ta được coi là đại diện cho lợi ích của các cử tri của ông ta, nhưng quan điểm của họ không thống nhất. Một số người có thể thích chi tiêu nhiều hơn vào quốc phòng, những người khác lại muốn chi tiêu ít hơn. Một số người chi tiêu nhiều hơn vào phúc lợi; số khác lại muốn ít hơn. Khi gặp mâu thuẫn như thế này, nhà chính trị bỏ phiếu như thế nào?

Một quan điểm cho rằng, chính khách nên nhận thức được rằng trong trường hợp HHCC thuần túy, như quốc phòng, hiệu quả đòi hỏi rằng tổng tỷ lệ thay thế cận biên bằng tỷ lệ chuyển đổi cận biên. Nhưng ngay cả khi chính khách nhận thức được điều này thì vẫn giúp được rất ít. Nó chỉ giúp ông ta tránh được kết quả phi hiệu quả Pareto. Nhưng lại không nói cho ông ta biết làm thế nào để lựa chọn các phương án phân bổ có hiệu quả Pareto. Những vấn đề phân phối thu nhập là trọng tâm của hầu hết những tranh luận về chính sách công cộng.

Một quan điểm khác nhận thấy nhà chính khách như một cá nhân hành động vì lợi ích cá nhân mình (đúng như người tiêu dùng và người sản xuất hành động vì lợi ích riêng của họ). Chính khách quan tâm đến việc ngồi trong văn phòng. Cái “giá” mà ông ta trả (hay nhận) cho việc biểu quyết cách này hay cách khác đối với các vấn đề ngân sách là khoản bị mất (hoặc được) trong các lá phiếu. (Tất nhiên, điều này cho rằng có mối quan hệ đáng kể nào đó giữa việc chính khách biểu quyết như

thế nào về những vấn đề ngân sách cụ thể và các nông dân bỏ phiếu ra sao trong các kỳ bầu cử tiếp theo). Giả thiết này có ngụ ý gì đối với các hành vi bầu cử của chính khách, là câu hỏi mà chúng ta sắp đề cập tới.

Nhưng ngay cả khi một vị đại diện cụ thể quyết định quan điểm của mình về một vấn đề cụ thể, những vị đại diện khác lại có thể có quan điểm khác. Vấn đề điều hòa những bất đồng đó nảy sinh bất kỳ khi nào phải có quyết định tập thể. Những thảo luận chính trị phổ biến thường nói tới cái mà “dân chúng” muốn, nhưng vì mỗi người lại muốn những thứ khác nhau, ngoài những quan điểm đối lập, thì quyết định của xã hội có thể được đưa ra bằng cách nào? Trong chế độ chuyên chế, câu trả lời rất dễ dàng: Đó là ý thích của nhà độc tài cai trị. Nhưng trong một xã hội dân chủ, không có quyết định dễ như vậy. Nhiều quy định bỏ phiếu khác nhau đã được đưa ra, trong đó có biểu quyết nhất trí, biểu quyết đơn giản lấy lấy đa số và biểu quyết lấy hao phần ba số phiếu. Trong số đó, có thể quy tắc được sử dụng rộng rãi nhất để ra quyết định trong chế độ dân chủ là biểu quyết theo đa số.

cuu duong than cong. com

Biểu quyết theo đa số

Một người bỏ phiếu đánh giá lá phiếu của mình như thế nào

Trước tiên chúng ta phân tích ý thích của cử tri. Chúng ta sẽ giả định rằng người đó đánh giá lá phiếu của mình dựa vào cơ sở hẹp hòi của lợi ích cá nhân: anh ta đánh giá lợi ích mình sẽ nhận được từ mỗi chương trình của chính phủ và so sánh với chi phí thêm mà anh ta phải chịu. Do đó, ở hình 6.1A, khi chính phủ tăng chi tiêu HHCC lên, các cá nhân nhận được thêm nhiều lợi ích hơn (độ hữu dụng cận biên của khoản chi tiêu tăng thêm cho HHCC). Chi phí cận biên mà người đó phải chịu phụ thuộc vào cơ cấu thuế. Ví dụ, giả định rằng gánh nặng thuế được chia đều giữa 100 người. Khi đó, nếu chính phủ chi thêm 1000 đô la vào HHCC, thì thuế anh ta phải nộp thêm là 10 đô la; chi phí cận biên của anh ta tăng thêm (tính bằng độ hữu dụng) là độ hữu dụng cận biên của mỗi đô la (mà nếu khác đi anh ta sẽ chi tiêu dùng HHTN) nhân với thuế gia tăng (100 đô la).

Nếu chính phủ chi tiêu vào HHCC rất ít, độ hữu dụng cận biên của HHCC sẽ rất cao; khi chính phủ chi tiêu nhiều hơn, độ hữu dụng cận biên sẽ giảm dần. Đồng thời, khi chính phủ chi tiêu nhiều hơn vào HHCC, các cá nhân có ít HHTN hơn. Do đó, độ hữu dụng của HHTN sẽ tăng, và chi phí cận biên (tính bằng độ hữu dụng) của HHCC (thay thế tiêu dùng HHTN) sẽ tăng lên. Vì lợi ích cận biên của HHCC giảm dần và chi phí cận biên tăng, nên lợi ích cận biên ròng đó là lợi ích cận biên trừ đi chi phí cận biên – là dương đối với giá trị chi tiêu của chính phủ thấp, và là âm đối với những giá trị chi tiêu của chính phủ cao. Nói cách khác, ban đầu độ hữu dụng của cá nhân tăng theo chi tiêu của chính phủ (lợi ích cận biên

ròng dương) nhưng thực ra lại giảm. Mức chi tiêu của chính phủ mà cá nhân thích nhất rõ ràng là mức mà ở đó độ hữu dụng được tăng tối đa, hoặc ở chỗ lợi ích cận biên ròng bằng 0. Trong hình 6.1A đó là điểm mà chi phí cận biên bằng lợi ích cận biên. Trong hình 6.1B, chúng tôi vẽ mức độ hữu dụng là hàm chi tiêu của chính phủ. Điểm G^* , tại đó lợi ích cận biên bằng chi phí cận biên, tương ứng với điểm mà độ hữu dụng đạt mức tối đa.

Có 3 nhân tố quyết định thái độ của cá nhân đối với chi tiêu cho hàng hóa công cộng. Thứ nhất, một số cá nhân có thể nhận được sự thỏa mãn lớn từ các công viên, trong khi người khác không bao giờ đến công viên. Thứ hai, thu nhập của cá nhân rất khác nhau. Đối với người nghèo, độ hữu dụng cận biên của HHTN sẽ cao hơn của người giàu. Người nghèo ít sẵn sàng hơn người giàu để bỏ một đôla HHTN để nhận thêm HHCC. Bởi vì họ ít HHTN hơn nên độ hữu dụng cận biên của HHCC có thể cũng cao hơn đối với họ, nhưng trong điều kiện bình thường, sự tăng độ hữu dụng cận biên của họ về HHTN sẽ vượt cao hơn HHCC; nói khái quát hơn, tại mọi mức chi tiêu vào HHCC, tỷ lệ thay thế cận biên – tức là sẵn sàng hi sinh bao nhiêu đơn vị HHTN để tăng thêm một đơn vị HHCC. Kết quả là, với việc đánh thuế thống nhất, người giàu thích mức chi tiêu vào HHCC cao hơn như đã minh họa trong hình 6.2A.

Những nhận định này không phù hợp với những quan sát thấy rằng người nghèo thường có nhu cầu cao hơn với HHCC; đó là do điều kiện thứ 3 là thái độ của cá nhân đối với chi tiêu công cộng tăng – đó là bản chất của hệ thống thuế, nó quyết định phần nào trong chi phí tăng thêm liên quan đến chi tiêu vào HHCC mà mỗi cá nhân phải chịu. Với chế độ thuế mà mọi người phải nộp một khoản thuế như nhau, người nghèo có thể thích chi tiêu ít vào HHCC, vì chi phí tăng thêm đối với họ cao hơn. Nhưng nếu những người nghèo hơn phải nộp thuế ít hơn người giàu, thì họ thích mức chi tiêu vào HHCC cao hơn. Hình 6.2B minh họa (*đang cập nhật*) ví dụ về đánh thuế lũy tiến, tức là phần nộp thuế tăng theo thu nhập.

Cầu về HHCC càng tăng, với bất kỳ một giá thuế nào theo thu nhập, thì người có thu nhập cao càng có thể có nhu cầu hàng hóa lớn hơn. Mặt khác, hệ thống thuế càng lũy tiến, tức là tỷ lệ thu nhập mà người giàu trả thuế cao hơn tương đối so với người nghèo, thì giá thuế của người giàu so với của người nghèo cao hơn tương ứng, do đó càng có thể là người giàu có ít HHCC hơn.

Cử tri trung gian

Chúng tôi vừa miêu tả xong việc mỗi cử tri quyết định như thế nào về mức chi tiêu mà anh ta thích nhất, bằng ví dụ đơn giản về một [HHCC](#) duy nhất. Các cá nhân khác nhau ở chỗ mỗi người đều có mức độ ưa thích khác nhau. Vậy, chúng ta có thể nói gì về sự cân bằng khi các cá nhân này bầu cử?

Để biết được ai là cử tri trung gian, và từ đó biết mức chi tiêu vào HHCC là mức nào, chúng tôi xếp hạng các cá nhân theo thứ tự mức chi tiêu mà họ thích nhất. Đối với mỗi mức chi tiêu của chính phủ, chúng tôi có thể đặt câu hỏi: người nào sẽ thích chính phủ chi tiêu ít hơn. *Cử tri trung gian là người mà, đối với họ, đúng một nửa số người thích chính phủ chi tiêu ít hơn (và tương ứng, đúng một nửa thích chính phủ chi tiêu nhiều hơn).*

Cử tri trung gian có thể có thu nhập trên hoặc dưới mức trung bình. Chúng tôi tính thu nhập trung bình cách lấy tổng thu nhập chia cho số lượng người. Giả sử rằng người giàu hơn có cầu HHCC lớn hơn. Như vậy, nếu tất cả đều biểu quyết, người trung gian là người có thu nhập ở giữa. Như chúng tôi đã viết, phân phối thu nhập không phải là đối xứng, nghĩa là số người có thu nhập thấp hơn số người có thu nhập cao. Số ít người có thu nhập thấp hơn số người có thu nhập cao. Số ít người có thu nhập rất cao làm cho mức thu nhập trung bình cao hơn, do đó với kiểu phân phối thu nhập này, người có thu nhập ở mức giữa sẽ có thu nhập thấp hơn thu nhập trung bình.

Lý thuyết cử tri trung gian có nghĩa rằng, nếu có sự phân phối lại thu nhập trong phạm vi công cộng để thu nhập cử tri trung gian tăng lên, từ đó cầu HHCC trong cộng đồng tăng lên, mặc dù thu nhập trung bình vẫn giữ nguyên.

Tương tự như vậy, lý thuyết cử tri trung gian nói rằng sự thay đổi để cho cầu HHCC của người trung gian không thay đổi sẽ làm cho chi tiêu cân bằng vào HHCC không thay đổi, dù cho cầu HHCC của các cá nhân khác diễn biến ra sao. Ví dụ, trong những thảo luận dẫn đến Đạo luật cải cách thuế năm 1986, đã đề nghị bỏ việc trừ thuế của bang và địa phương vì các mục tiêu thuế thu nhập liên bang. Điều đó có thể sẽ làm giảm cầu hàng hóa của bang và địa phương của tất cả những người được trừ thuế. Nhưng ở hầu hết tất cả các bang, cử tri trung gian không được trừ thuế. Nhưng ở hầu hết các bang, cử tri trung gian không được trừ; do đó lý thuyết cử tri trung gian có thể dự đoán được rằng, thay đổi này có thể để cho mức chi tiêu vào HHCC của bang và địa phương không thay đổi.

Phi hiệu quả của cân bằng biểu quyết theo đa số

Vì cử tri trung gian quyết định mức chi tiêu, cho nên để chắc chắn xem chi tiêu vào HHCC quá nhiều hay quá ít, chúng ta chỉ cần xem xét cử tri trung gian bỏ phiếu như thế nào, và đối chiếu với các điều kiện về hiệu quả đã được thảo luận ở

Chương 5. Cử tri trung gian được giả định là chỉ so sánh lợi ích mà người đó nhận được với chi phí phải chịu. Lợi ích của anh ta thấp hơn tổng lợi ích xã hội và chi phí của anh ta cũng thấp hơn. Việc chi tiêu quá ít hay quá nhiều vào HHCC, do đó, sẽ phụ thuộc vào tổng chi phí (cận biên) mà người đó phải chịu ít hơn hay lớn hơn tổng lợi ích của anh ta.

Trước hết hãy xem xét ví dụ: tất cả các cá nhân đều giống nhau và hệ thống thuế thống nhất. Như vậy, nếu có N người thì lợi ích riêng của cá nhân là $1/N$ của tổng lợi ích, còn chi phí là $1/N$ tổng chi phí. Cân bằng biểu quyết theo đa số là có hiệu quả.

Bây giờ, hãy xem xét trường hợp: mọi cá nhân có lợi ích cận biên như nhau đối với HHCC; lợi ích riêng của cá nhân trung gian là $1/N$ của tổng lợi ích cận biên của xã hội. Giả sử rằng có hệ thống thuế tỉ lệ thuận và phân phối thu nhập rất thiên lệch. Khi đó thu nhập trung gian sẽ thấp hơn thu nhập trung bình rất nhiều, do đó với hệ thống thuế thu nhập tỉ lệ thuận, thuế suất của cá nhân trung gian sẽ rất thấp. Người ta sẽ chịu một phần nhỏ của tổng chi phí. Bởi vì lợi ích cận biên riêng của người đó là $1/N$ của tổng lợi ích cận biên xã hội, nhưng chi phí cận biên riêng lại hơn $1/N$ của tổng chi phí cận biên xã hội, cho nên sẽ có sự cung cấp quá nhiều hàng hóa công cộng. Lập luận này mạnh mẽ hơn nếu hệ thống thuế là lũy tiến, để các cá nhân thu nhập thấp nộp thuế theo tỉ lệ thấp hơn so với người có thu nhập cao.

Lập luận này về cung cấp quá nhiều HHCC này giả định rằng lợi ích cận biên của HHCC không chênh lệch nhiều xét theo thu nhập. Do đó, người thu nhập cao có thể đánh giá cao truyền hình công cộng, hay hỗ trợ của công cộng đối với nghệ thuật. Do đánh giá cận biên của cử tri trung gian về những lợi ích này nhỏ hơn $1/N$

của tổng lợi ích cận biên xã hội HHCC, cho nên có thể có thiếu cung HHCC, ngay cả khi cử tri trung gian chịu trả thấp hơn $1/N$ tổng chi phí cận biên.

Nghịch lý biểu quyết

Hạn chế của biểu quyết được bàn luận rộng rãi hơn, là khả năng không có cân bằng. Vấn đề này đã được nhà triết học Pháp thế kỷ 18 là Condorcet đề cập tới, và có thể thấy trong ví dụ đơn giản sau: có ba cử tri và ba phương án A, B, C:

Cử tri 1 thích A hơn B, hơn C.

Cử tri 2 thích C hơn A, hơn B.

Cử tri 3 thích B hơn C, hơn A.

Giả sử chúng ta biểu quyết A và B. Cử tri 1 và 2 bỏ cho A, do đó A thắng. Bây giờ chúng ta biểu quyết A và C. Cử tri 2 và 3 thích C hơn A, do đó C thắng. Rõ ràng C phải là sự lựa chọn của xã hội. C thắng A và A thắng B. Nhưng bây giờ chúng ta đối chọi trực tiếp giữa C và B. Cả hai cử tri 1 và 3 thích B hơn C. Điều này được quy thành nghịch lý biểu quyết hay nghịch lý của biểu quyết tuần hoàn. Không có người thắng rõ ràng. B đấu C và C đấu A, nhưng A lại đấu B.

Nếu chúng ta sử dụng biểu quyết lấy đa số thì rõ ràng là việc kiểm soát chương trình nghị sự sẽ rất quan trọng. giả sử chúng ta tổ chức tranh cử giữa A và B, và sau đó người thắng sẽ đối đầu với C. Rõ ràng C sẽ thắng trong cuộc bầu cử này. Nhưng giả sử chúng ta tổ chức bầu cử giữa B và C trước, sau đó người thắng sẽ đối đầu với A, và A sẽ là người thắng cuộc. Cuối cùng là giả sử chúng ta tổ chức đấu giữa A và C trước, người thắng sẽ đấu với B rõ ràng B sẽ là người thắng. Do đó người thắng cuộc chỉ phụ thuộc vào trật tự sắp xếp từng cặp mà thôi.

Ý thích ở đỉnh điểm đơn và có cân bằng biểu quyết theo đa số

Nghịch lý biểu quyết không phải bao giờ cũng xảy ra. Thực vậy, trước đây chúng tôi đã chỉ ra rằng khi biểu quyết về mức HHCC, đã có sự cân bằng biểu quyết theo đa số được xác định tốt đẹp, phù hợp với ý thích của cử tri trung gian. Điều gì phân biệt những trường hợp có và không có cân bằng?

Ví dụ, hãy cân nhắc vấn đề về thái độ của cá nhân đối với chi tiêu cho giáo dục công cộng. Nếu mức chi tiêu cho giáo dục công cộng ở dưới điểm tối thiểu nhất định thì người giàu có thể sẽ thích gửi con cái đến các trường tư. Nếu họ làm việc đó thì mọi khoản tăng chi tiêu cho các trường công sẽ làm tăng thuế của họ lên; họ không nhận được lợi ích trực tiếp. Do đó độ hữu dụng của họ tăng lên theo chi tiêu của chính phủ tới mức mà họ quyết định gửi con vào trường công. Đối với những khoản vượt mức đó, người giàu sẽ được lợi. Tất nhiên, vượt ra ngoài một điểm nào

đó thì những khoản thuế tăng thuế lại nhiều hơn lợi ích. Đối với người này, mức chi tiêu cao còn thích hơn là không chi tí nào, nhưng không chi lại thích hơn chi ở mức trung bình. Có thể không có cân bằng biểu quyết theo đa số trong trường hợp này.

Mặc dù những ý thích đối với một HHCC duy nhất (không có HHTN thay thế, không giống như giáo dục) thường có đỉnh điểm hơn, khi chúng ta phải xếp hạng lựa chọn đó ít khi đạt đỉnh điểm hơn. Để có đỉnh điểm đơn, chúng ta phải tự hạn chế biểu quyết về một vấn đề chỉ một lần thôi.

Cũng quan trọng như vậy, ta sẽ không có cân bằng biểu quyết theo đa số cho hầu hết các vấn đề phân phối. Điều này có thể thấy rõ ràng nhất trong nghiên cứu cấu trúc về thuế thu nhập.

Định lý về sự không thể của Arrow những kết quả tiếp theo về bỏ phiếu

Trong phần trước chúng ta đã thấy rằng, không thể có sự cân bằng trong một quá trình chính trị bỏ phiếu theo đa số. Điều này hiển nhiên là một trạng thái công việc không tốt đẹp gì. Khi đó, đương nhiên sẽ có một câu hỏi là, liệu có thể có một cơ chế chính trị nào đó, hay một hệ thống các nguyên tắc nào khác giúp cho việc ra quyết định đối với xã hội nhằm có thể loại trừ được vấn đề đó hay không. Cơ chế chính trị này cần có một số ưu điểm nhất định: ví dụ, nó cần phải không độc tài

(với một kẻ độc tài, các quyết định về xã hội đơn giản chỉ phục vụ ý thích của nhà độc tài đó). Kết quả cần phải không bị phụ thuộc vào các phương án không thích hợp; tức là nếu ví dụ như chúng ta phải lựa chọn giữa một bể bơi và một sân tennis, thì kết quả không nên bị phụ thuộc vào phương án thứ ba.

Một số quy tắc khác nhau đã được xem xét, ví dụ như, yêu cầu phải được hai phần ba đa số hoặc là bỏ phiếu theo thứ tự ưu tiên. Tất cả các phương án được xem xét đó đều không đạt yêu cầu về một tiêu chuẩn này hay một tiêu chuẩn khác. Cuối cùng thì việc tìm kiếm một hệ thống lý tưởng đã được Kenneth Arrow ở Stanford khám phá ra. Ông đã chỉ ra rằng, không có nguyên tắc nào có thể thỏa mãn được tất cả các điểm mong muốn. Định lý này được gọi là Định lý về sự không thể của Arrow.

Định lý về sự không thể của Arrow có một ngụ ý quan trọng và thú vị sâu xa hơn. Chúng ta thường nghe thấy những câu như: “chính phủ cần phải làm như thế này và như thế này...” . “Chính phủ dường như đang có những hoạt động không thống nhất với nhau...” hay “tại sao chính phủ lại không xác định được những cái ưu tiên và hoạt động theo đó?”. Kiểu nói này đã nhân cách hóa chính phủ, coi chính phủ dường như là một cá nhân nào đó. Cách nói là quan trọng: mặc dù chúng ta đều biết rằng chính phủ không phải là cá nhân đơn độc, nhưng khi nói về chính phủ như nói với một người như vậy thì chúng ta đang bị dẫn đến việc tin rằng đó là

một người thật. Từ đó t among đợi rằng chính phủ sẽ hoạt động một cách thống nhất giống như một người có lý trí. Nhưng định lý về sự không thể của Arrow cho rằng: do không thể ban cho một cá nhân nào đó những quyền lực độc tài, nên người ta không nên mong đợi chính phủ sẽ có những hoạt động thống nhất và hợp lý giống như một cá nhân.

Hệ thống hai đảng và cử tri trung gian

Chúng tôi đề cập tới trước đây rằng, người đại diện được bầu lên phải chịu một phần chi phí không đáng kể và nhận lợi ích không đáng kể nhờ tăng chi phí chi tiêu của chính phủ. Lý thuyết kinh tế nói gì về cách thức người đó nên biểu quyết? giả định rất tự nhiên là chính khách muốn ở lại trong văn phòng và đương nhiên, ông ta muốn tăng tối đa số phiếu của mình, trong điều kiện đối thủ của mình không thay đổi quan điểm.

Với hệ thống hai đảng ở Hoa Kỳ, các cử tri không được lựa chọn: cả hai đảng đều chấp nhận quan điểm “giữa đường”. Đây chính là điều mà lý thuyết đã dự liệu. Tuy nhiên một số giới hạn quan trọng của lý thuyết này cần ghi nhớ. Thứ nhất, chúng tôi đã nói trước rằng, nói chung, có thể không thể có cân bằng biểu quyết theo đa số. Và có cân bằng nếu các cá nhân có đỉnh điểm về ý thích. Trong hiện cảnh, điều đó có nghĩa là chúng ta giải quyết các vấn đề theo một đỉnh điểm: ví dụ như tự do – bảo thủ chẳng hạn.

Tuy nhiên, nếu có nhiều đỉnh điểm khác nhau, như một số người đã tự do và một vấn đề bảo thủ về những vấn đề khác, thì không xác định được cử tri trung gian và có thể không có cân bằng về quá trình chính trị.

Thứ hai, chúng tôi đã bỏ qua những vấn đề về sự tham gia các quá trình chính trị. Có những chi phí để được thông tin và bỏ phiếu. So với lợi ích khi có sự thay đổi chút ít về thời tiết và làm cho việc bầu cử không thoải mái, những chi phí trên đủ lớn để tham gia bầu cử.

Chính trị học và kinh tế học cuuduongthancong.com

Tại sao các cá nhân lại bỏ phiếu?

Trong phần trước chúng ta đã quan sát thấy rằng, trong nhiều cuộc bầu cử tỷ lệ tham gia bầu cử rất thấp và họ rất nhạy bén với những dịp thời tiết thay đổi. Lý do là, như chúng ta đã thấy, lợi ích của việc đi bỏ phiếu rất thấp vì có rất ít ảnh hưởng đến kết quả. Những lựa chọn khác nhau rất ít đến mức không đem lại kết quả, mặc dầu chi phí bỏ phiếu khá thấp, song so với lợi ích thì chúng lại không thấp. Thực vậy, tính một cách có căn cứ đầy đủ, thì không ai muốn đi bỏ phiếu; có thể là lá phiếu của mỗi cá nhân sẽ đem lại hiệu quả khác đi (vì trong hầu hết các trường

hợp, các cá nhân chỉ quan tâm đến ứng cử viên đó thắng hay thua, chứ không phải là mức độ thắng thua). Nhưng họ vẫn đi bỏ phiếu.

Nghịch lý này đã được giải quyết, một cách lặp thừa, chỉ đơn giản bằng cách giả định rằng các cá nhân có độ hữu dụng do việc bỏ phiếu, hay khái quát hơn là do việc tham gia vào quá trình chính trị. Hay cụ thể hơn là họ góp tiền vào quỹ từ thiện; họ buộc phải tin rằng nên quan tâm đến người khác. Do đó, nhiều thời gian và sức lực được dành để chăm sóc, giáo dục trẻ em biết đến trách nhiệm của cử tri.

Những quan tâm đó còn có nghĩa rằng, khi một người bỏ phiếu, anh ta có thể không hành động một cách vì lợi ích cá nhân hẹp hòi mà chúng tôi đã giả định trước đây. Các cá nhân có thể bỏ phiếu để lấp kẽ hở trong hệ thống thuế thu nhập. Các cá nhân có thể bỏ phiếu để lấp kẽ hở trong hệ thống thuế thu nhập, bởi vì việc đó có thể dẫn đến bỏ sung gánh nặng thuế một cách công bằng hơn, ngay cả khi trách nhiệm thuế cá nhân vì thế mà tăng lên.

Bầu cử và các nhóm lợi ích đặc biệt

Những mô hình mà chúng ta thảo luận ở những phần trước cho rằng tất cả các cá nhân đều được thông tin đầy đủ về hậu quả của tất cả những phương án đang được xem xét, tất cả đều đi bỏ phiếu, và họ đánh giá lá phiếu của mình trên cơ sở những ý nghĩa là mỗi phương án đều có phúc lợi (riêng) cho họ.

Có nhiều người cho rằng phân tích đó không đảm bảo miêu tả một cách thích hợp đối với quá trình chính trị. Mặc dù theo hiến pháp thì mỗi người có một lá phiếu, nhưng một số lá phiếu lại có hiệu lực hơn những lá phiếu khác. Theo cách nhìn đó thì kết quả của quá trình chính trị chính trị phản ánh quyền lực chính trị của các nhóm lợi ích chính trị.

Chúng tôi giới hạn thảo luận này ở một số vấn đề hẹp hơn: Lý thuyết kinh tế nói gì về các nhóm lợi ích có thể có ảnh hưởng? Và chúng ta có thể kết hợp như thế nào tính hiệu lực của các nhóm lợi ích với việc mỗi cá nhân ở Hoa Kỳ chỉ có một lá phiếu?

Trả lời cho những câu hỏi này liên quan đến cuộc thảo luận của chúng ta ở chương trước nói về lợi ích công cộng như là HHCC. Chúng ta đã thấy rằng quản lý có hiệu quả khu vực công cộng là quản lý HHCC. Cũng tương tự, việc lựa chọn các quan chức được bầu, những người có năng lực và phản ánh các giá trị tương tự như của chúng ta, là một hàng hóa công cộng.

Đồng thời, chúng ta nên lưu ý rằng đề ăn không trong nhóm nhỏ có thể không nghiêm trọng như ở nhóm lớn. Do đó việc hình thành nhóm lợi ích của một số ít nhà sản xuất thép để thuyết phục Quốc hội hạn chế nhập khẩu thép sẽ dễ dàng hơn việc hình thành lợi ích của số đông người sử dụng thép, những người sẽ bị hạn chế này tác động ngược lại. Mỗi người sản xuất nhiều đều có nhiều cái để nhận hơn

mỗi người tiêu dùng phải mất, mặc dù tổng nhận được (lợi ích) của người sản xuất có thể trên thực tế thấp hơn tổng số mất mát của người tiêu dùng.

Các nghiệp đoàn từ lâu đã nhận thấy bản chất của vấn đề ăn không, do đó họ đã tìm đến những cửa hàng bị đóng cửa, buộc tất cả công nhân hỗ trợ trong những hoạt động mà họ cho là sẽ vì lợi ích tập thể của công nhân. Nhưng một khi họ đã có quyền lực đó, họ đã mưu cầu sử dụng nó không chỉ ở bàn thỏa thuận mà còn cả trên trường chính trị nữa, ở đó họ hành động với tư cách một nhóm đặc biệt.

Quyền lực của các nhóm lợi ích đặc biệt

Các nhóm lợi ích thực hiện quyền lực như thế nào? Dễ thấy là ít nhất có ba cơ chế.

Thứ nhất, chúng tôi đã trình bày trước đây là các cá nhân có rất ít động cơ để đi bầu cử hay để được thông báo về những vấn đề liên quan. Những nhóm lợi ích cố gắng giảm chi phí bầu cử hay để được thông báo về những vấn đề liên quan.

Những nhóm lợi ích cố gắng giảm chi phí bầu cử và thông tin, nhất là đối với những cử tri có thể hỗ trợ họ. Họ làm như vậy bằng cách chuẩn bị sẵn thông tin (rõ ràng là hỗ trợ quan điểm của họ) và họ thường giúp đỡ trực tiếp bằng cách đảm bảo giao thông, chăm sóc trẻ con...vào ngày bỏ phiếu.

Thứ hai là, chúng tôi đã lưu ý khó khăn mà các chính khách có thể gặp phải khi tiếp nhận thông tin về ý thích của các cử tri của mình. Không có cơ chế đơn giản

nào thể hiện nhu cầu đối với HHCC như là đối với HHTN. Các nhóm lợi ích đã cố gắng cung cấp các thông tin như vậy. Các chính khách có thể thiếu thông tin về kỹ thuật cần thiết để ra các quyết định chính trị, ví dụ như họ có thể không biết hậu quả của việc tiếp tục nhập khẩu thép rẻ của nước ngoài. Các nhóm lợi ích là nguồn thông tin chủ yếu và thường thông qua quá trình cung cấp thông tin mà họ thực hiện sự ảnh hưởng của mình.

Cơ chế thứ ba là thông qua hồi lộ trực tiếp hoặc gián tiếp các chính khách. Hồi lộ trực tiếp thường ít xảy ra, ít nhất là trong phần lớn quyền lực pháp lý ở Hoa Kỳ. Nhưng hồi lộ gián tiếp lại rất quan trọng: các nhóm lợi ích có thể hỗ trợ tài chính hoặc hỗ trợ dưới hình thức khác cho các chính khách ủng hộ quyền lợi của họ. Một lần nữa, vấn đề này rất quan trọng, bởi vì các cử tri cần được thông tin về các quan điểm của ứng cử viên, và việc cung cấp các thông tin cho cử tri rất tốn kém. Cần phải thuyết phục được các cử tri rằng lợi ích của việc bỏ phiếu đảm bảo việc họ đi bầu cử và chi phí cá nhân phải được giảm xuống qua việc được trợ giúp để đi bầu. Trước đây chúng tôi đã đặt giả thiết rằng chúng tôi có thể giải thích hành vi của chính khách bằng ý muốn của họ ở lại văn phòng; họ đã tăng khả năng được tái bầu cử bằng cách tăng đa số lượng người có thể bầu cử cho họ. Các chính khách nhận thấy rằng, cái đáng được quan tâm là quan điểm của họ về một số vấn đề cụ thể có ảnh hưởng đến số người sẽ thực sự bỏ phiếu cho họ và chống lại các địch thủ của họ. Họ có thể có tính đến tất cả những ảnh hưởng, bao gồm cả việc

tăng cơ hội tiếp xúc với cử tri, cũng như sự hỗ trợ thêm của một nhóm lợi ích đặc biệt.

Nhà chính khách có lòng vị tha không?

Một quan điểm nữa nói rằng nhiều nhà chính khách không hành động một cách vụ lợi như chúng tôi đã giả định trong cả chương này. Giống như các cá nhân hành động một cách độ lượng như những công dân bình thường và hỗ trợ các quỹ từ thiện, những công dân hoạt động chính trị cũng như vậy, với khả năng và tư cách các quan chức được bầu ra. Trong xã hội của chúng ta, chính khách và các công chức có địa vị cao đã được tôn trọng. Một chính phủ hiện hữu phụ thuộc vào chất lượng của các quan chức và công chức này. Mặc dù có một chút sự thật nào đó trong quan điểm phi kinh tế này, có ba phẩm chất cần nêu ra. Thứ nhất là trong khi lý thuyết bỏ phiếu đã cho những dự đoán rõ ràng liên quan đến kết quả của các quá trình chính trị, vẫn không có những dự đoán rõ ràng nào xuất hiện với quá trình chính trị phụ thuộc vào quan điểm của một số lãnh đạo vì lợi ích cộng đồng. Thực vậy, đó chính xác là tính chất thất thường trong hành động của các nhà lãnh đạo chính trị đã dẫn Adam Smith đến đề nghị là có một cách tốt hơn để lợi ích công được phục vụ: mỗi cá nhân đều theo đuổi lợi ích của riêng mình. Rất đáng tiếc là, mặc dù cánh tay vô hình của Adam Smith hoạt động tốt đối với hầu hết hàng hóa, song nó lại không vận hành tốt với hàng hóa công cộng.

Thứ hai là, có vấn đề về lựa chọn. Vì không phải tất cả những ứng viên đều không vụ lợi nên các cử tri phải lựa chọn giữa người vụ lợi và người không vụ lợi. Nếu cử tri cho rằng nhà lãnh đạo “không vụ lợi” tốt hơn người ích kỷ, thì các chính khách vụ lợi sẽ cố gắng tập hợp những người không vụ lợi. Vậy cử tri sẽ lựa chọn họ trên cơ sở thông tin rất hạn chế như thế nào?

Thứ ba là có những người cho rằng không có hành vi không vụ lợi khi theo đuổi lợi ích công cộng, hay ít nhất hành vi đó cũng rất hiếm đến mức không thể là cơ sở cho một lý thuyết thích hợp về khu công cộng. Ngay cả khi các cá nhân không hành động vì lợi ích riêng của họ, thì họ vẫn hành động vì “lợi ích giai cấp” của họ, vì lợi ích của những người họ gắn bó trong suốt cuộc đời. Thường thường họ thực sự không ý thức được việc họ hành động theo cách đó.

Tiếc thay, chúng ta không thể kiểm nghiệm mức độ hiệu lực của quan điểm này. Có thể có sự thật nào đó trong tất cả các quan điểm đó: nhiều nhà chính trị rõ ràng là hành động vì lợi ích riêng, và mô hình tăng tối đa cử tri đơn giản mà chúng ta mới thảo luận đã cho chúng ta hiểu sâu thêm hành vi của họ. Tuy nhiên, không phải tất cả các chính khách đều hành động một cách có ý thức vì lợi ích riêng của họ; rõ ràng có một số tin rằng họ đang hành động vì lợi ích chung. Nhưng không rõ điều đó có nghĩa gì, tức là có thể gán lời lý giải nào với “hành động vì lợi ích công cộng”, khi có những quan điểm khác về việc trong lợi ích công cộng có những gì,

và không có cách đơn giản để giải quyết một cách nhất quán những điểm khác nhau này. Điều đã rõ ràng là, nhiều nhà chính trị đòi hỏi hành động vì lợi ích công cộng đã ủng hộ và khuyến khích các chính sách mà về sau, theo nhiều nhà quan sát, hóa ra không hề vì lợi ích công cộng nào.

Sự dai dẳng của cân bằng phi hiệu quả

Mặc dù không có những câu chung chung nói về bản chất của các phương án phân bổ nguồn lực nảy sinh, khi quá trình chính trị do các nhóm lợi ích đặc biệt thống trị, nhưng hầu hết các nhà kinh tế cho rằng, khi các nhóm lợi ích đặc biệt định áp dụng những hạn chế thương mại hay nhận trợ cấp cho chính mình, thì những phương án bổ sung nảy sinh này nói chung làm cho nền kinh tế nằm dưới đường giới hạn năng lực sản xuất: còn có những phương án khác có thể làm cho mọi người đều có lợi hơn.

Tại sao mọi người lại không tập hợp lại và đưa ra một số phương án có hiệu quả Pareto nhất mà có thể tất cả đồng ý? Không có câu trả lời chung mà tất cả nhất trí. Có thể có những câu trả lời “từng phần” được đưa ra.

Thứ nhất là, như chúng ta đã thấy, lợi ích công cộng là một HHCC. Vì những nỗ lực nhằm duy trì một chính phủ tốt phải từ các cá nhân đưa ra, cho nên sẽ có sự cung cấp thiếu HHCC do tư nhân cung cấp này (hay hàng hóa tư nhân khác).

Thứ hai, nhiều ý nghĩa phân phối của các chương trình thực hiện theo chỉ thị của các nhóm lợi ích đặc biệt vẫn không rõ ràng. Ví dụ, những cử tri Hoa Kỳ không thể bỏ phiếu một cách có suy nghĩ chín chắn để chuyển các nguồn lực cho nông dân trồng lúa giàu có. Những người này nhận trợ cấp của công, họ phải được đưa vào chương trình quy mô lớn mà họ sẽ là những người hưởng ngẫu nhiên. Do đó, những nông dân trồng lúa giàu có sẽ ủng hộ chương trình trợ cấp trồng lúa của liên bang, tước mất lợi ích mà đáng lẽ ra nông dân nghèo được hưởng. Nâng cao hiệu quả Pareto có thể đem lại cho mỗi nông dân trồng lúa một khoản cố định mà nó có thể giữ họ không chuyển sang nghề khác có năng suất cao hơn. Nhưng mặc dù khoản trợ cấp trực tiếp này có thể được tổ chức để làm cho mọi người cùng có lợi hơn, thì chúng lại thể hiện những ý nghĩa phân phối thực của chương trình, đó là những lợi ích mà lại không đến tay người nghèo, mà lại là nông dân giàu. Vì điều này có thể làm giảm sự ủng hộ về mặt chính trị của chương trình trợ cấp cho nông dân trồng lúa, nên việc nâng cao hiệu quả Pareto này không nhận được sự ủng hộ của nông dân trồng lúa giàu có.

Những biểu đồ xác định mức HHCC

[Cân bằng Lindan](#)

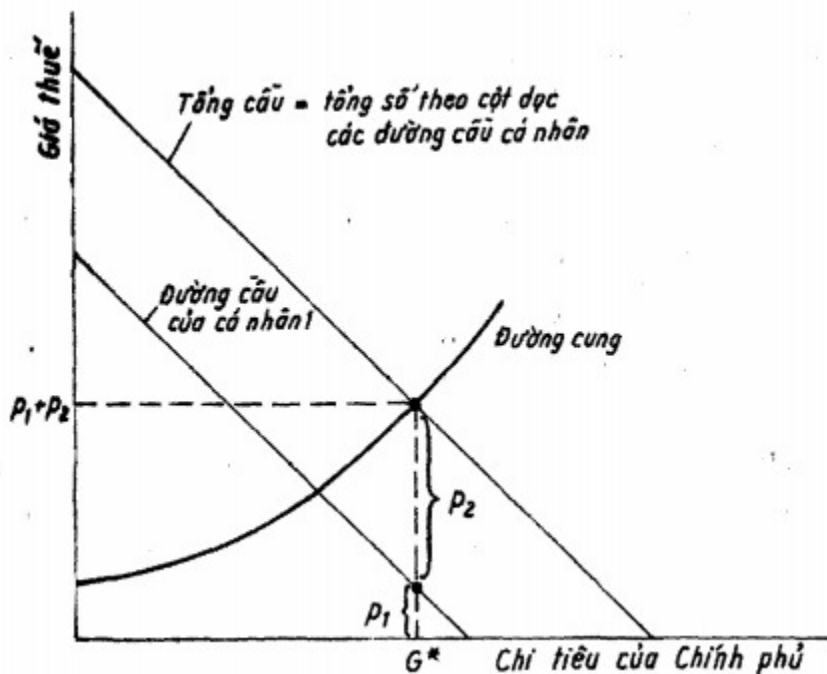
Phương án thứ nhất gọi là giải pháp Lindan mang tên nhà kinh tế học Thụy Điển Erik Lindahl, người đưa ra lần đầu tiên vào năm 1919. Giải pháp này đã cố gắng

bất chước cách thức hoạt động của thị trường trong việc sản xuất HHTN. Cân bằng thị trường đối với HHTN được miêu tả bằng điểm cắt nhau của đường cầu và đường cung. Tất cả mọi người đều trả giá như nhau. Tổng lượng cầu bằng tổng lượng cung của các hãng.

Một trong những cách mà chúng tôi đặc trưng mức HHCC hữu hiệu là điểm cắt nhau của đường tổng cầu và đường cung. Các đường cầu được tạo nên bởi hỏi các cá nhân xem họ sẽ có bao nhiêu cầu HHCC nếu như người đó phải trả bao nhiêu đó để có được mỗi đơn vị HHCC sản xuất ra, tức là, trong hình 6.7, nếu người thứ nhất gặp giá thuê là p_1 , người đó sẽ có cầu là G^* .

Cân bằng Lindan chính là điểm giao nhau của đường cầu HHCC và đường cung.

Cân bằng Lindan rõ ràng là có hiệu quả. Trong cân bằng Lindan, tất cả các cá nhân đều có lượng HHCC là như nhau nhưng lại khác nhau ở giá thuê. Trong biểu đồ, cân bằng Lindan xảy ra tại G^* , và người thứ nhất nộp thuế suất p_1 còn người thứ hai là p_2 .



Hình 6.7: Cân bằng Lindan

Cân bằng Lindan có hiệu quả Pareto; nhưng trước đây chúng tôi cũng ghi nhận rằng trên thực tế có hàng loạt phương án bổ sung nguồn lực có hiệu quả Pareto, mà trong một số phương án người này được lợi, trong số khác người kia được lợi.

Theo định nghĩa thì hầu như, không thể thống nhất về điểm nào khả dĩ hơn. Cân bằng Lindan chọn một trong những điểm có hiệu quả Pareto; nhưng theo quan điểm này, những người thiệt thòi sẽ không đồng ý thực hiện cơ chế phân bổ HHCC này, thực vậy, họ có thể thích những phương án phân bổ có hiệu quả Pareto vì họ sẽ nhận được độ hữu dụng cao hơn.

Sự phê phán lớn nhất đối với giải pháp Lindan là các cá nhân không có động cơ để nói lên sự thật, vì giá thuê của họ tăng theo cầu định trước của họ. Tức là, cầu càng cao thì chi tiêu cân bằng vào HHCC của họ càng cao. Tất nhiên, chi tiêu vào HHCC cao hơn sẽ buộc giá thuê cân bằng phải cao hơn. Những đường cầu được sử dụng trong phân tích Lindan được vẽ theo giả thiết rằng các cá nhân có giá thuê không đổi; họ cho rằng dù có nói gì cũng không làm thay đổi cái họ phải trả cho 1 đơn vị chi tiêu công cộng và do đó họ không nói thực cầu của họ. Câu hỏi bây giờ chúng tôi quay lại là: các cơ chế khác làm cho cá nhân trung thực về ý thích của họ không?

[Các cơ chế tiết lộ mới](#)

Trước đây chúng ta đã ghi nhận rằng, một trong những vấn đề quan trọng đối với HHCC là tiết lộ sở thích. Khi có được HHTN, các cá nhân đã thổ lộ ý thích của mình đối với những HHTN khác nhau. Nhưng đối với HHCC thì không có được cơ chế tương tự. Những cơ chế chính trị rõ ràng nhất hoặc gắn những nhận định của cá nhân về thái độ của mình đối với HHCC với cái mà người đó phải trả, trong trường hợp đó gây ra thiếu cung (vì mỗi cá nhân đều cho rằng nhận định của mình có rất ít ảnh hưởng đến cung nhưng lại có ảnh hưởng không nhỏ đến cái họ phải trả, anh ta sẽ nói rằng mình được lợi không bao nhiêu), hoặc không gắn cái họ phải

trả với cái họ nói và trong trường hợp này cá nhân sẽ có động cơ để khuyến khích
trương lợi ích.

Một nghiên cứu mới đây đã tập trung vào việc đề ra những qui tắc đơn giản để các
cá nhân có thể thể hiện ý thích của họ. Quy tắc quy định mối quan hệ giữa mức
HHCC, trách nhiệm nộp thuế của mỗi cá nhân và những nhận định mà mỗi cá nhân
nói về thái độ của mình đối với HHCC.

Một số nhà kinh tế đưa ra những cơ chế khác có những đặc điểm khả dĩ làm cho cá
nhân nói lên sự thật và đảm bảo hiệu quả Pareto. Tuy nhiên, vẫn còn sự tranh cãi
lớn về sự phù hợp của các cơ chế đó. Nếu chúng tốt như vậy, tại sao chúng không
được áp dụng? rất đáng tiếc, chúng cũng có một số vấn đề nghiêm trọng. Để ép
buộc cá nhân nói lên sự thật, mỗi cá nhân đều phải tin rằng anh ta có thể có ảnh
hưởng rõ ràng nào đó lên kết quả cuối cùng, lên mức cân bằng chi tiêu vào HHCC.
Chi phí hành chính quản lý các cơ chế này có thể rất lớn. Hơn nữa, các cơ chế này
rất nhạy bén với sự cấu kết. Chúng có đặc điểm nội tại là nó phải trả cho cá nhân
để họ nói thật ý thích của họ; nhưng nếu hơn hai người hoặc hơn hai cá nhân tập
hợp lại và phối hợp tuyên bố không đúng sự thật.

Việc tìm kiếm những cơ chế tốt hơn để nói lên ý thích vẫn đang tiếp tục. Nhiều nhà
kinh tế không lạc quan về việc liệu có những phương án thực tế để những cơ chế
chính trị tồn tại hay không?

Các giá trị và năng lực

Phần lớn chương này đã nói về các cơ chế chính trị xác định mức HHCC. Cơ chế chính trị đảm bảo các phương tiện giải quyết những mâu thuẫn về các giá trị liên quan đến việc chính phủ nên làm gì đối với hàng hóa công cộng.

Mặc dù những mâu thuẫn này là trung tâm của nhiều tranh luận chính trị, chúng không phải là lý do duy nhất gây ra bất đồng ý kiến. Ví dụ khi bầu ủy viên hội đồng thông cống rãnh địa phương đôi khi có tranh luận về chất thải sạch hay không, mặc dù thỉnh thoảng có tranh cãi về mức độ ô nhiễm như thế nào là có thể chấp nhận. Hơn nữa, mỗi cử tọa đều đòi hỏi rằng người đó phải là một người có quản lý hiệu quả hơn. Nghĩa là các quan chức nhà nước có vai trò quan trọng trong việc quyết định mức đầu ra có thể đạt được từ mỗi lượng đầu vào nhất định. Hiệu quả của khu vực công cộng phụ thuộc vào năng lực quản lý công cộng, và điều này lại phụ thuộc vào năng lực của các quan chức được bầu ra. Rất đáng tiếc là các cử tri có rất ít thông tin để làm cơ sở cho việc đánh giá năng lực.

Tóm tắt

Dưới đây là một số nội dung chính đã nêu ở chương 6.

Cân bằng biểu quyết theo đa số nếu có sẽ phản ánh ý thích của cử tri trung gian.

Nói chung, cân bằng biểu quyết theo đa số không mang lại cung HHCC hữu hiệu; sẽ thiếu cung hoặc dư cung.

Cân bằng biểu quyết theo đa số có tồn tại nếu ý thích có một đỉnh điểm.

Ý thích đối với HHCC duy nhất luôn có một đỉnh điểm. Ý thích sẽ không có một đỉnh điểm nếu:

- Có hơn một HHCC và lá phiếu bỏ cho một tập hợp chứ không phải bỏ một lần cho một hàng hóa duy nhất.
- Biểu quyết về HHTN do công cộng cung cấp mà cũng có thể do tư nhân cung cấp (như giáo dục).
- Biểu quyết vấn đề về phân phối như cơ cấu thuế thu nhập.

Cân bằng biểu quyết theo đa số sẽ có khi ý thích không có một đỉnh điểm. Nghĩa là nếu có 3 phương án A, B hoặc C có thể đa số thích A hơn B; B hơn C và có thể C hơn A.

Định lý không thể của Arrow cho thấy sự không thể tìm được một phương án thay thế; một cơ chế chính trị phi chuyên chế nhằm giải quyết được vấn đề biểu quyết theo đa số và thỏa mãn được một số đặc tính khác mà người ta có thể mong muốn ở bất cứ cơ chế chính trị nào.

Trong hệ thống hai đảng sẽ có sự hội tụ trong quan điểm của hai đảng đối với quan điểm của cử tri trung gian.

Phụ trương: Những cơ chế tiết lộ mới

Trước đây chúng ta đã ghi nhận rằng, một trong những vấn đề quan trọng đối với HHCC là tiết lộ sở thích. Khi có được HHTN, các cá nhân đã tỏ lộ ý thích của mình đối với những HHTN khác nhau. Nhưng đối với HHCC thì không có được cơ chế tương tự. Những cơ chế chính trị rõ ràng nhất hoặc gắn những nhận định của cá nhân về thái độ của mình đối với HHCC với cái mà người đó phải trả, trong trường hợp đó gây ra thiếu cung (vì mỗi cá nhân đều cho rằng nhận định của mình có rất ít ảnh hưởng đến cung nhưng lại có ảnh hưởng không nhỏ đến cái họ phải trả, anh ta sẽ nói rằng mình được lợi không bao nhiêu), hoặc không gắn cái họ phải trả với cái họ nói và trong trường hợp này cá nhân sẽ có động cơ để khuyến khích trưng lợi ích.

Một nghiên cứu mới đây đã tập trung vào việc đề ra những qui tắc đơn giản để các cá nhân có thể thể hiện ý thích của họ. Quy tắc quy định mối quan hệ giữa mức HHCC, trách nhiệm nộp thuế của mỗi cá nhân và những nhận định mà mỗi cá nhân nói về thái độ của mình đối với HHCC.

Một số nhà kinh tế đưa ra những cơ chế khác có những đặc điểm khả dĩ làm cho cá nhân nói lên sự thật và đảm bảo hiệu quả Pareto. Tuy nhiên, vẫn còn sự tranh cãi lớn về sự phù hợp của các cơ chế đó. Nếu chúng tốt như vậy, tại sao chúng không được áp dụng? rất đáng tiếc, chúng cũng có một số vấn đề nghiêm trọng. Để ép buộc cá nhân nói lên sự thật, mỗi cá nhân đều phải tin rằng anh ta có thể có ảnh hưởng rõ ràng nào đó lên kết quả cuối cùng, lên mức cân bằng chi tiêu vào HHCC. Chi phí hành chính quản lý các cơ chế này có thể rất lớn. Hơn nữa, các cơ chế này rất nhạy bén với sự cấu kết. Chúng có đặc điểm nội tại là nó phải trả cho cá nhân để họ nói thật ý thích của họ; nhưng nếu hơn hai người hoặc hơn hai cá nhân tập hợp lại và phối hợp tuyên bố không đúng sự thật.

Việc tìm kiếm những cơ chế tốt hơn để nói lên ý thích vẫn đang tiếp tục. Nhiều nhà kinh tế không lạc quan về việc liệu có những phương án thực tế để những cơ chế chính trị tồn tại hay không?